

ĐÔ THỊ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ HIỆN ĐẠI TẠI VIỆT NAM

TS. ĐOÀN TRANH
Trưởng Đại học Duy Tân

1. Phân loại đô thị tại Việt Nam

Theo từ điển Bách khoa toàn thư: “*Một đô thị hay khu đô thị là một khu vực có mật độ gia tăng các công trình kiến trúc do con người xây dựng so với các khu vực xung quanh nó. Các đô thị có thể là thành phố, thị xã, trung tâm dân cư đông đúc nhưng thuật từ này thông thường không mở rộng đến các khu định cư nông thôn như làng, xã, ấp.*”

Theo khoản 1, điều 3 Luật Quy hoạch đô thị định nghĩa: “*Đô thị là nơi tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp; là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa hoặc chuyên ngành; có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương; bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố, nội thị, ngoại thị của thị xã, thị trấn.*”

Hệ thống đô thị Việt Nam bao gồm thành phố, thị xã, thị trấn và được chia làm 6 loại đô thị (theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP). Việc phân loại đô thị tại Việt Nam căn cứ vào 5 tiêu chí là chức năng, quy mô dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, mật độ dân số và cơ sở hạ tầng. Có thể tóm lược hệ thống đô thị Việt Nam như sau:

Loại đặc biệt	Thủ đô hoặc đô thị là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, du lịch, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.	Từ 1,5 triệu người trở lên	Từ 90% trở lên	Từ 15 nghìn người/km ² trở lên	Về cơ bản đồng bộ và hoàn chỉnh
Loại I	Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng lãnh thổ liên tỉnh hoặc cả nước.	Từ 50 vạn người trở lên	Từ 85% trở lên	Từ 12 nghìn người/km ² trở lên	Nhiều mặt đồng bộ và hoàn chỉnh
Loại II	Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong tỉnh, vùng liên tỉnh hoặc cả nước, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng lãnh thổ liên tỉnh hoặc cả nước.	Từ 25 vạn người trở lên	Từ 80% trở lên	Từ 10 nghìn người/km ² trở lên	Nhiều mặt tiến tới tương đối đồng bộ và hoàn chỉnh

Loại III	Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong tỉnh hoặc vùng liên tỉnh, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh hoặc một số lĩnh vực đối với vùng liên tỉnh.	Từ 10 vạn người trở lên	Từ 75% trở lên	Từ 8 nghìn người/km ² trở lên	Từng mặt đồng bộ và hoàn chỉnh
Loại IV	Là trung tâm tổng hợp hoặc chuyên ngành về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong tỉnh, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh hoặc một vùng trong tỉnh.	Từ 5 vạn người trở lên	Từ 70% trở lên	Từ 6 nghìn người/km ² trở lên	Đã hoặc đang được xây dựng từng mặt đồng bộ và hoàn chỉnh
Loại V	Là trung tâm tổng hợp hoặc chuyên ngành về chính trị, kinh tế, văn hóa và dịch vụ, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một huyện hoặc một cụm xã.	Từ 4 nghìn người trở lên	Từ 65% trở lên	Từ 2 nghìn người/km ² trở lên	Đã hoặc đang xây dựng nhưng chưa đồng bộ và hoàn chỉnh

2. Những định hướng phát triển đô thị hiện đại tại Việt Nam

Thành phố phát triển và lối sống đô thị lan rộng với nhịp điệu nhanh, tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của con người. Việt Nam đang trong quá trình cải tạo và xây dựng các thành phố, thị xã thành những đô thị hiện đại. Hầu hết các thành phố, thị xã hiện hữu đến nay đã có các đề án quy hoạch phát triển tổng thể để thực hiện. Ở từng đề án, có lẽ những người tham gia vẽ nên nó đã hình dung đến cái viễn cảnh của một đô thị hiện đại với sự phát triển bền vững.

Thứ nhất, đặc điểm quan trọng của giai đoạn đô thị hóa hiện nay là mối quan hệ chặt chẽ của nó với cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật. Sự phát triển của sản xuất, giao thông vận tải, khoa học kỹ thuật, tạo nên biến đổi cơ bản trong cơ cấu của lực lượng sản xuất, nâng cao vai trò đặc biệt của khoa học và thông tin xã hội.

Thứ hai, xu hướng tăng nhanh dân số thành thị, sự dịch chuyển dân cư từ nông thôn lên thành thị với số lượng tăng đáng kể. Các nghiên cứu đều cho thấy: tiền lương, thu nhập, việc làm, mức độ thất nghiệp... của thành thị đều ảnh hưởng đến việc đưa ra quyết định di cư của người dân. Bên cạnh đó còn có nguyên nhân phi kinh tế, như: vấn đề chất lượng cuộc sống, những người di dân muốn có cuộc sống tốt hơn thông qua cuộc sống ở thành thị, nơi có ánh đèn rực rỡ của thành phố, nơi đó có các phương tiện giao thông, phương tiện thông tin đại chúng... được hiện đại hóa, nơi có hệ thống giáo dục, y tế, dịch vụ phát triển; vấn đề về phong tục tập quán và các nhân tố xã hội khác cũng tác động sâu sắc tới quá trình di dân từ nông thôn ra thành thị

Thứ ba, lao động phi nông nghiệp ở đô thị hết sức đa dạng và phong phú về nghề nghiệp. Phân công lao động đạt đến trình độ cao. Đặc biệt nó là tiền đề làm tách rời giữa sản xuất và tiêu dùng, thúc đẩy một nghề mới xuất hiện và ngày càng đóng vai trò cốt tử trong đời sống đô thị, đó là nghề dịch vụ. Thị trường đô thị là một hệ thống hoặc địa điểm, mà ở đó diễn ra việc mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ. Những thị trường chủ yếu của đô thị bao gồm: thị trường lao động, thị trường bất động sản, thị trường dịch vụ, thị trường tài chính... Kinh tế thị trường làm thay đổi thái độ đối với lao động: phải vươn ra thị trường, phải kiếm được việc làm, phải có thu nhập, không trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp của nhà nước, cứu trợ của xã hội.

Thứ tư, do phân công lao động cao, cuộc sống ở đô thị không thể tự cung tự cấp. Lối sống đô thị, nhất là các đô thị hiện đại là lối sống phụ thuộc vào các dịch vụ công, từ nhà ở đến đi lại, học tập chữa bệnh, thông tin, giải trí... thậm chí đến cả chăm sóc người già, tâm tình với người cô đơn, tìm bạn, tìm người yêu... Không chỉ phụ thuộc vào hệ thống dịch vụ, dần dà con người đô thị cũng điều chỉnh lối sống của họ theo nếp đó. Thực ra, đó chính là sự chuyên môn hoá, nguyên nhân và cũng là hậu quả của hệ thống dịch vụ công cộng ở đô thị. Môi trường đô thị là môi trường nhân tạo, có nhiều tiện ích hơn, thuận lợi hơn cho con người trong cuộc sống, học tập và làm việc. Nhưng, cũng chật chội và tù túng hơn. Đặc biệt môi trường nhân tạo đòi hỏi con người phải có ý thức, kiến thức và kỹ năng sống cao hơn.

Thứ năm, ở đô thị có sự phân tầng xã hội, sự phân hoá về xuất thân, về địa vị kinh tế - xã hội, trình độ học vấn, chuyên môn, sự phân hoá về lối sống. Sự phân hoá này bộc lộ rõ nét qua thời trang, nhà ở, phương tiện đi lại, phương tiện nghe nhìn, phạm vi giao tiếp, cả cách giao tiếp, ngôn ngữ ứng xử... Đặc biệt sự phân hoá này thể hiện rõ và cao nhất ở hiện tượng cư trú tách biệt theo các mô hình sinh thái đô thị.

Thứ sáu, văn hoá đô thị là một phức hợp văn hoá bác học, văn hoá dân gian và văn hoá đại chúng. Đô thị là nơi nhiều dòng người về đây tụ cư, mỗi dòng người như vậy mang theo những đặc sắc riêng về văn hoá dân gian của mình nên không thể nói loại hình nào đóng vai trò chủ đạo, hoặc đặc trưng cho văn hoá đô thị. Bên cạnh đó nền dân trí ở đô thị nhìn chung cũng cao hơn ở nông thôn, đô thị lại là nơi tập trung với mật độ cao các tổ chức văn hoá, khoa học, giáo dục, đội ngũ tri thức, văn nghệ sỹ. Môi trường và thị trường cho sáng tạo văn hoá bác học đều rất thuận lợi cho loại hình văn hoá này phát triển.

Thứ bảy, trong tổ chức đời sống văn hóa người dân đô thị đã dần hình thành được ý thức chấp hành pháp luật, ý thức công dân và ý thức cá nhân. Những khái niệm như họ hàng, láng giềng, phường... không nhiều ý nghĩa, như những khái niệm tương tự ở nông thôn. Con người sống trong đô thị thường không biết, hoặc không cần biết nhau, đúng hơn họ chỉ biết nhau với tư cách là những công dân, hoặc những vai trò bổn phận xã hội mà họ đang mang vác từ đó yếu tố tình cảm không còn chi phối chính mà yếu tố lý trí, pháp luật, thị trường mới là quyết định.